

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN LUẬT MINH THUẬN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN LUẬT MINH THUẬN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH THUAN LAW CONSULTING AND INVESTMENT CORPORATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MINHTHUAN LAW JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108545979

**3. Ngày thành lập:** 09/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số 6A Vũ Phạm Hàm, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975306465

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. | 8559     |
| 2.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4669     |
| 3.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                 | 4711     |
| 4.  | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4724     |
| 5.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4742     |
| 6.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4791     |
| 7.  | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.<br>(Không bao gồm cung cấp dịch vụ trong quán Bar, karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                       | 5629     |
| 8.  | Cổng thông tin<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6312     |
| 9.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7912     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (loại nhà nước cho phép)                                                                                                         | 8299 |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                               | 4311 |
| 12. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                  | 7990 |
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                            | 8230 |
| 14. | Quảng cáo<br>- Tư vấn, dịch vụ sáng tạo, sản xuất các nguyên liệu cho quảng cáo, kế hoạch truyền thông<br>- Sáng tạo và thực hiện các chiến dịch quảng cáo<br>- Tư vấn marketing                                                                                     | 7310 |
| 15. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                 | 4752 |
| 16. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                                                 | 6820 |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                   | 4652 |
| 18. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                | 8211 |
| 19. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>- Hoạt động phiên dịch<br>- Dịch thuật<br>- Dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp<br>- Tư vấn dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan<br>- Tư vấn chuyển giao công nghệ<br>(Trừ tư vấn Luật) | 7490 |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa ( trừ môi giới bất động sản)                                                                                                                                            | 4610 |
| 21. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                       | 4631 |
| 22. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;<br>- Các dịch vụ cắt xén thông tin,                                                 | 6399 |
| 23. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                              | 8560 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 24. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng.                                                            | 4784        |
| 25. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh;- Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn, màn;- Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí;- Bán lẻ trò chơi và đồ chơi;- Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4789        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8220        |
| 27. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn quản trị doanh nghiệp<br>(Trừ tư vấn Luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7020(Chính) |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7730        |
| 29. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4632        |
| 30. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4649        |
| 31. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Mua bán sản phẩm may mặc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4641        |
| 32. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4651        |
| 33. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;- Bán buôn sơn và véc ni;- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;- Bán buôn kính phẳng;- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;- Bán buôn bình đun nước nóng;- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663        |
| 34. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 35. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4719        |
| 36. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4741        |
| 37. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Hoạt động kiến trúc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7110        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2022 |
| 39. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4653 |
| 40. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh;- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán buôn máy lọc nước. | 4759 |
| 41. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4773 |
| 42. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4781 |
| 43. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4931 |
| 44. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:- Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;-Hoạt động của cáp treo, đường sắt leo núi;                                                                                                                | 4932 |
| 45. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4723 |
| 46. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ thuốc chữa bệnh;- Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình;- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.                                                                                                                                                         | 4772 |
| 47. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5621 |
| 48. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7911 |
| 49. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7320 |
| 50. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4721 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

*Hai tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông            | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THU HẰNG    | tổ Giáp Ngụột, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 2.000      | 20.000.000            | 1,000     | 122335678                                                                                   |         |
|     |                        |                                                                                      | Tổng số           | 2.000      | 20.000.000            | 1,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM THỊ NGÂN          | Xóm Góc Gạo, Xã Tức Tranh, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 50,000    | 091679456                                                                                   |         |
|     |                        |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG | tổ Giáp Ngụột, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 98.000     | 980.000.000           | 49,000    | 122158558                                                                                   |         |
|     |                        |                                                                                      | Tổng số           | 98.000     | 980.000.000           | 49,000    |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THỊ NGÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 14/01/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 091679456

Ngày cấp: 11/08/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Góc Gạo, Xã Tức Tranh, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Góc Gạo, Xã Tức Tranh, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 19/07/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 122158558

Ngày cấp: 01/06/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *tổ Giáp Nguyệt, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *số 3 ngõ 90 Phúc Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội